

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS - PT

Ngày 24 - 4 - 2019

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán

Ông Đặng Phi Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự số 07/2018/DS-ST ngày 21/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐ-PT ngày 01/4/2019 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Đặng Hùng V;

- Chị Bàn Thị C;

Cùng địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Bàn Thị C: Anh Đặng Hùng V – Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Nguyễn Đức T);

- Chị Vũ Thị T;

Cùng địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Văn N;
- Chị Đặng Thủy V;

Cùng địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V: Anh Đặng Hùng V – Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018). Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Xuân N - Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Đặng Hùng V và chị Bàn Thị C trình bày:

Năm 1997 vợ chồng anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C được mẹ đẻ là bà Lý Thị C cho đất để canh tác, anh chị đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDD). Năm 2004, nhà nước thực hiện việc chuẩn hóa đất đai nên anh V, chị C đã nộp GCNQSDD cho UBND xã T, khi đó mẹ anh cho thêm hơn 4ha cộng với diện tích đất cũ là hơn 10ha đất rừng tái sinh. Năm 2009, UBND huyện B cấp lại GCNQSDD mang tên hộ gia đình anh Đặng Hùng V, thửa đất trên thuộc Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Năm 2003, gia đình anh V đã phát cỏ cây lúa nương, năm 2005 gia đình anh V nhận cây của dự án về trồng. Đến năm 2007 gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T lấn chiếm một phần đất nằm trong GCNQSDD của gia đình anh V, chị C. Anh V đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị T trả đất nhưng không được. UBND các cấp đã nhiều lần giải quyết nhưng không thành. Nay anh V, chị C khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T phải chặt toàn bộ cây đã trồng và cây mọc tự nhiên trên diện tích đất lấn chiếm để trả lại đất cho gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V trình bày:

Anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V nhất trí với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Hùng V và chị Bàn Thị C.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự khai và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân N không làm bản tự khai, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Bản án số 07/2018/DS-ST ngày 21/12/2018 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai; Điều 164, 166, 288 Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N trả lại cho gia đình anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C, anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V diện tích 16.370m² đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 1 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 382314, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00542 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/7/2009. Đất có vị trí như sau: Phía Đông tiếp giáp đất hộ anh Đặng Hùng V, phía Tây tiếp giáp đất hộ ông Ngô Văn T, phía Tây Bắc tiếp giáp đất hộ anh Nguyễn Văn T, phía Đông Bắc tiếp giáp đất Công ty Lâm nghiệp huyện B, phía Nam tiếp giáp đất hộ anh Đặng Hùng V.

Anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N phải chặt toàn bộ cây trồng và cây mọc tự nhiên trên diện tích đất lấn chiếm 16.370m² và vận chuyển ra khỏi diện tích đất trên để trả lại mặt bằng diện tích đất cho gia đình anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C, anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N mỗi người phải hoàn trả anh Đặng Hùng V 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/01/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 21/12/2018 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Nguyên đơn anh Đặng Hùng V và chị Bàn Thị C cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp với gia đình bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T tại Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai là do anh V, chị C được mẹ đẻ là bà Lý Thị C cho để canh tác. Năm 2004, bà Lý Thị C cho anh V, chị C thêm hơn 4 ha đất, cộng với diện tích đất cũ là hơn 10 ha. Năm 2009, UBND huyện B cấp lại GCNQSDĐ cho hộ anh V, chị C, tổng diện tích đất là 100.413,0m² thuộc thửa đất số 280, tờ bản đồ số 1. Diện tích đất tranh chấp là 16.370m² nằm trong thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ trên.

Tại quyết định số 42/QĐ-UB ngày 19/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ dân đã xác định anh Nguyễn Văn T được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 249 diện tích 16.576 m², anh Đặng Hùng V cũng được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 280 diện tích 100.413 m².

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/8/2018 của UBND xã T, ông Nguyễn Văn D - Trưởng ban công tác mặt trận đã xác nhận ông biết nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bà C (mẹ anh V) mua của ông H.

Theo lời khai của bà Lý Thị C là mẹ đẻ của anh Đặng Hùng V xác nhận về việc từ năm 1997, năm 2004 bà C có cho gia đình anh V một phần diện tích đất rừng để canh tác, diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình anh V với gia đình anh T trước đó là một phần nằm trong diện tích đất đã được cấp quyền sử dụng cho bà Lý Thị C, thuộc thửa số 28, khoản 2, tiểu khu 349, tờ bản đồ số 1. Ngày 19/01/2006, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ cấp cho bà Lý Thị C để cấp đổi lại. Ngày 19/01/2006, UBND huyện B ban hành Quyết định số 42/QĐ-UBND cấp lại GCNQSDĐ, trong đó phần diện tích đất trước đó cấp cho bà Lý Thị C được cấp lại cho hộ anh Đặng Hùng V.

[3] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 của TAND huyện B thì diện tích đất tranh chấp 16.370m² nằm trong thửa số 280, tờ bản đồ số 1 thuộc GCNQSDĐ số AG 382314 do UBND huyện B cấp ngày 15/7/2009 cho hộ ông Đặng Hùng V, bà Bàn Thị C.

[4] Tập hợp các chứng cứ về nguồn gốc đất, quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên bản thẩm định diện tích đất tranh chấp đã có đủ căn cứ xác định gia đình anh Đặng Hùng V có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp 16.370m² tại Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, chị C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên tước đối với diện tích đất mà gia đình anh T phải trả cho gia đình anh V không rõ ràng dẫn đến không thi hành án được, vì vậy bản án phúc thẩm cần tuyên bổ sung về tọa độ diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ tọa độ thửa đất tranh chấp do ông Hoàng Trường N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường lập có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T.

[5] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T nhưng anh T, chị T không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng

hợp pháp của mình đối với diện tích đất đang tranh chấp với gia đình anh V. Tại đơn kháng cáo anh T cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là do bố mẹ anh khai phá cho vợ chồng anh từ năm 1992, các nhân chứng mà anh T lấy xác nhận cũng chỉ xác nhận có làm giúp anh T trên diện tích đất tranh chấp chứ họ không xác nhận nguồn gốc diện tích đất đó là của gia đình anh T. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh về nguồn gốc đất là của gia đình anh T. Vì vậy, kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bản án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Xuân N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, và phải hoàn trả khoản tiền này cho anh Đặng Hùng V là có căn cứ pháp luật.

[7] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 21/12/2018 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai; Điều 164, 166, 288 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N trả lại cho gia đình anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C, anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V diện tích 16.370m² đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 1 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 382314, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00542 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/7/2009. Đất có vị trí như sau: Phía Đông tiếp giáp đất hộ anh Đặng Hùng V, phía Tây tiếp giáp đất hộ ông Ngô Văn T, phía Tây Bắc tiếp giáp đất hộ anh Nguyễn Văn T, phía Đông Bắc tiếp giáp đất Công ty Lâm nghiệp huyện B, phía Nam tiếp giáp đất hộ anh Đặng Hùng V và gianh gói, tọa độ theo sơ đồ tọa độ thửa đất tranh chấp do ông Hoàng Trường N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lào Cai lập được đính kèm theo bản án phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N phải chặt toàn bộ cây trồng và cây mọc tự nhiên trên diện tích đất lấn chiếm 16.370m² và vận chuyển ra khỏi diện tích đất trên để trả lại mặt bằng diện tích đất cho gia đình anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C, anh Đặng Văn N và chị Đặng Thủy V.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N mỗi người phải hoàn trả anh Đặng Hùng V 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Xuân N mỗi người phải chịu 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đặng Hùng V, chị Bàn Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Đặng Hùng V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0001395 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0001470 ngày 22/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Số tiền này được khấu trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm mà anh Nguyễn Văn T phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa